

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:/2021/HNGN-ST

Ngày 31/5/2021.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn P;

2/. Ông Phan Văn C.

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Văn A- Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị N - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp yêu cầu ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 giữa:

1/. *Nguyên đơn:* Anh Đ H H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp Huê 1, xã Vĩnh Phú Tây, Huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2/. *Bị đơn:* Chị V T M T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp Phước Thuận 1, thị trấn Phước Long, Huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh H có đơn xin vắng mặt, chị T vắng mặt lần 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Đ H H trình bày: Anh với chị V T M T làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào tháng 02 năm 2018, còn ngày nào thì không nhớ, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phước Long, Huyện Phước Long. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, hiện tại anh, chị không còn sống chung với nhau từ ngày 23/10/2020 đến nay. Nay anh H yêu cầu ly hôn với chị V T M T; về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị V T M T vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân Hện Phước Long trình bày quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tham gia phiên tòa là đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ H H, cho anh H được ly hôn với chị V T M T.

+ Về con chung: đương sự không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, anh H phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Đ H H kiện chị V T M T về việc Hôn nhân gia đình tại Tòa án nhân dân Hện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu và Tòa án nhân dân Hện Phước Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại biên bản xác minh ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân Hện Phước Long đối với ông Võ Văn D là cha ruột chị T cung cấp thông tin, chị T đang sống cùng gia đình ông tại ấp Phước Thuận 1, thị trấn Phước Long, Hện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nhưng hiện tại chị T đi làm ăn, vài ngày về nhà 1 lần rồi tiếp tục đi làm ăn. Như vậy, chị T không bỏ địa phương mà chỉ đi nơi khác làm việc rồi một thời gian lại về nên việc tổng đạt các văn bản tố tụng đối chị T là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H có đơn xin vắng mặt tại phiên xét xử, chị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên việc xét xử vắng mặt anh H, chị T là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Đ H H xác định, anh và chị V T M T làm đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tại Trích lục kết hôn ngày 04/01/2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Long, Hện Phước Long thể hiện anh và chị T đăng ký kết hôn vào ngày 28/9/2018. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh và chị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; nay anh H yêu cầu ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn về hôn nhân của anh, chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, theo lời khai ngày 05/4/2021 của anh H thì anh và chị T không còn sống chung từ ngày 23/10/2020 đến

nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ H H, cho anh H được ly hôn với chị V T M T.

[3] Về con chung: Theo lời khai của anh Đ H H thì anh và chị T chưa có con chung nên anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo lời khai của anh H thì anh và chị T không có tài sản chung, không nợ ai hoặc ai nợ anh, chị. Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí xét xử hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh Đ H H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39, khoản 5 Điều 177 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ H H, cho anh Đ H H được ly hôn với chị V T M T.

2/. Về con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc anh Đ H H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009868 ngày 13 tháng 01 năm 2021 được cHển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự Hện Phước Long. Chị V T M T không phải nộp án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nội nhân:

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND Hen Phôóc Long
- Nông sở
- Ngõôi tham gia tố tụng khác
- Lầu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh Tôn